

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 11 - 2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hàng Lâm Viên**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lê Thị Chinh**

Bà **Nguyễn Thị Yến**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Vân Nha – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Trần Lê Ngọc T, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Số 49/6 H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**2. Bị đơn:** Bà Lê Thị Thùy N, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: 20 King St # 1 Dorchester, MA 02122, USA (Hoa Kỳ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Lê Ngọc T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thùy N tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận ngày 30 tháng 9 năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 06 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; Vợ chồng ông thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Từ đó, bà N trở về Hoa Kỳ sinh sống, vợ chồng ông cách ly với nhau cho đến nay. Hiện nay mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên ông Trần Lê Ngọc T xin được ly hôn với bà Lê Thị Thùy N

Về con chung: Ông Trần Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thùy N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thùy N không có tài sản chung, nợ chung.

**Tại Bản tự khai ngày 19/10/2022, bà Lê Thị Thùy N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy N và ông Trần Lê Ngọc T kết hôn vào ngày 30/9/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã do không cùng quan điểm sống. Sau đó, bà N trở về Hoa Kỳ sinh sống, vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng rất nhiều và dần hết tình cảm dành cho nhau. Nay bà Lê Thị Thùy N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Trần Lê Ngọc T

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị Thùy N đề nghị Tòa án giao bản án cho ông Lê Quang H, sinh năm 1983, địa chỉ: Đội X, Triệu Phong 1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73, 86 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bà Lê Thị Thùy N vì mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, kéo dài; Mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Trần Lê Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Thùy N định cư tại Hoa Kỳ nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Thùy N có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt; Bị đơn có lời khai đồng ý ly hôn. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 khoản 1 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1] Ông Trần Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thùy N tiến đến hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận ngày 30 tháng 9 năm 2019 nên hôn nhân giữa ông T và bà N hợp pháp.

[2.2] Ông Trần Lê Ngọc T cho rằng quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Lê Thị Thùy N không thể duy trì vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng; Mục đích hôn nhân không đạt được do cách biệt về địa lý và hoàn cảnh kinh tế. Bà Lê Thị Thùy N đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Lê Ngọc T theo quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Ông Trần Lê Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

[4] Về chi phí ủy thác tư pháp: Ông Trần Lê Ngọc T phải chịu và đã nộp đủ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 28 khoản 1, Điều 37, Điều 147, Điều 153 khoản 3, Điều 228 khoản 3, Điều 273, Điều 477 khoản 5 điểm a của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 51, 56, 57, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Lê Ngọc T với bà Lê Thị Thùy N. Ông Trần Lê Ngọc T được ly hôn với bà Lê Thị Thùy N.

2. Án phí: Ông Trần Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000495 ngày 08/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận. Ông Trần Lê Ngọc T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Chi phí ủy thác tư pháp: Ông Trần Lê Ngọc T phải chịu toàn bộ chi phí ủy thác tư pháp. Ông T đã nộp đủ tiền ủy thác tư pháp.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/11/2022); Bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai/.

**Nơi nhận:**

- Đương sự (2);
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận (1);
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu HS, Tổ HC-TP, án văn (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hàng Lâm Viên**

